

Bản án số: **16/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 05 - 8 - 2021

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Lan và ông Phạm Viết Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Cao Nguyên – Thư ký viên TAND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị S, sinh năm 1996.

HKTT: Thôn TN, xã TK, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn LN, xã TK, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Lê Văn D, sinh năm 1995.

HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn TN, xã TK, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Chị S có mặt; anh D vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị S trình bày yêu cầu như sau:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Lê Văn D được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã TK, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương vào ngày 15/12/2015. Sau khi kết hôn, anh D đi làm ở thành phố Hà Nội nên chị S sinh sống cùng bố mẹ đẻ ở thôn TN, xã TK, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Đến năm 2019, anh D về Hải Dương sinh sống, vợ chồng dọn ra ở riêng tại căn nhà của bác anh D ở cùng thôn TN. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh D ham chơi, thường xuyên tụ tập bạn bè ăn uống tại nhà, thỉnh thoảng lại đi chơi về khuya, tiền lương kiếm được anh D không công khai với chị mà sử dụng chi tiêu riêng cho bản thân. Chị có nói với anh D tu chí làm ăn nhưng anh D không nghe còn chửi mắng, đánh đập chị. Gia đình đã hòa giải, khuyên bảo cho hai vợ chồng nhưng tình cảm giữa chị và anh D không được cải thiện. Vào ngày 08/12/2020, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, anh D mắng chị và đuổi chị ra khỏi nhà, chị tức giận xé Giấy chứng nhận kết hôn, anh D đánh chị nên chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn LN sinh sống. Sau khi vợ chồng ly thân, anh D có đến tìm chị 01 lần để nói chuyện nhưng chị không đồng ý tiếp tục về chung sống cùng với anh D. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng chị đã trầm trọng không thể hàn gắn, níu kéo, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

+ *Về con chung:* Chị và anh D có 02 con chung là Lê Quốc H, sinh ngày 16/02/2014 và Lê Thị Bích D, sinh ngày 11/7/2016. Hiện nay cháu Diệp đang ở cùng chị còn cháu Huy đang ở cùng với anh D. Chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị tiếp tục nuôi cháu Lê Thị Bích D còn anh D tiếp tục nuôi cháu Lê Quốc H. Trường hợp chị được nuôi con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

+ *Về tài sản chung, nợ chung, công sức:* Chị và anh D không có tài sản chung, không có nợ chung, công sức nên chị không đề nghị tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn D trình bày quan điểm như sau:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Lê Văn D xác định anh và chị S được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã TK, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương vào ngày 15/12/2015. Tuy nhiên, anh D xác định vợ chồng không có mâu thuẫn. Đến nay chị S xin ly hôn, quan điểm của anh không đồng ý ly hôn.

+ *Về con chung*: Anh D cũng xác định vợ chồng anh có 02 con chung là Lê Quốc H, sinh ngày 16/02/2014 và Lê Thị Bích D, sinh ngày 11/7/2016. Do không đồng ý ly hôn nên anh D không trình bày quan điểm về việc giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung.

+ *Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: Anh D xác định không có tài sản chung.

Tại phiên tòa: Anh Lê Văn D vắng mặt. Nguyên đơn chị Vũ Thị S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn D và giải quyết về con chung theo nguyện vọng của chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo các nguyên tắc xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Đề nghị HĐXX:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị S, xử cho chị Vũ Thị S được ly hôn với anh Lê Văn D.

Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị S nuôi dưỡng con chung Lê Thị Bích D và giao cho anh Lê Văn D nuôi dưỡng con chung Lê Quốc H cho đến khi các con

đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Chị Vũ Thị S và anh Lê Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom đối với con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị S, anh D không yêu cầu nên không phải giải quyết.

Về án phí: Chị Vũ Thị S là người khởi kiện nên phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị S khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Lê Văn D, hiện chị S và anh D đều đang cư trú tại xã TK, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Bị đơn là anh Lê Văn D trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt. Tại phiên tòa, anh D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do vì vậy Tòa án nhân dân huyện Bình Giang tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Văn D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[2] Về các quan hệ pháp luật cần giải quyết:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị S và anh Lê Văn D được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15/12/2015 tại UBND xã TK, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Khi đăng ký kết hôn, chị S và anh D đều đủ tuổi và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn của vợ chồng: Chị S xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân từ ngày 08/12/2020 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng chị đã trầm trọng không thể hàn gắn, níu kéo, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Anh D xác định vợ chồng không có mâu thuẫn và không đồng ý ly hôn chị.

Theo trường thôn TN cung cấp: Chị S và anh D là kết hôn với nhau từ năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại thôn TN, xã TK, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Trong cuộc sống, chị S và anh D có nhiều mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D uống rượu nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Chị S đã có lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở nhưng sau đó quay lại tiếp tục chung sống với anh D. Đến ngày 08/12/2020, giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, chị S xé Giấy đăng ký kết hôn rồi trở về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và ly thân với anh D từ thời gian đó cho đến nay. Anh D có đến gặp và xin lỗi nhưng chị S không đồng ý quay về nên hai vợ chồng ly thân cho đến nay.

Theo gia đình chị S cung cấp: Vợ chồng chị S và anh D có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D ham chơi, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, có lần anh D còn đánh chị S. Do mâu thuẫn nên nhiều lần chị S đã trở về gia đình nhà đẻ sinh sống. Lần gần đây nhất vợ chồng mâu thuẫn là từ tháng 10/2020 âm lịch, hai vợ chồng xảy ra đánh cãi nhau nên chị S đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và ly thân với anh D cho đến nay. Chị S cũng không đồng ý trở về tiếp tục chung sống cùng anh D.

Theo gia đình anh D cung cấp: Vợ chồng chị S và anh D có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Tháng 12/2020, vợ chồng xảy ra cãi nhau, chị S xé giấy đăng ký kết hôn rồi bỏ về nhà bố mẹ đẻ cho đến nay và hai bên cũng không có biện pháp gì để đoàn tụ.

Từ những căn cứ nêu trên có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh D đã căng thẳng, trầm trọng, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S, xử cho chị S ly hôn anh D là phù hợp khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị S và anh D đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Lê Quốc H, sinh ngày 16/02/2014 và Lê Thị Bích D, sinh ngày 11/7/2016. Hiện nay cháu Huy đang ở cùng anh D còn cháu Diệp ở cùng với chị S. Chị S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi con Lê Thị Bích D và anh D tiếp tục nuôi con Lê Quốc H. Anh D không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về việc nuôi con. Theo lời trình bày của chị S và gia đình anh D, chị S và anh D đều có nơi cư trú và có việc làm ổn định, chị S hiện đang là công nhân của Công ty cổ phần may Hải Anh ở thôn Bá Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương với mức thu nhập 8.000.000đ/tháng, còn về anh D đang làm tại Công ty Toàn Phát. Mặt khác, chị S và anh D hiện mỗi người đang

nuôi 01 con chung, các con vẫn phát triển ổn định và cả hai đều được gia đình hỗ trợ việc nuôi dưỡng con chung nên đều có khả năng nuôi con. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị S, khi vợ chồng ly hôn giao cho chị S nuôi con chung Lê Thị Bích D và giao cho anh D nuôi con chung Lê Quốc H là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và nguyện vọng của con chung Lê Quốc H.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị S và anh D mỗi người nuôi dưỡng 01 con chung và chị S không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nên chị S và anh D không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị S và anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Vũ Thị S là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị S được ly hôn anh Lê Văn D.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Thị Bích D, sinh ngày 11/7/2016 và giao cho anh Lê Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê

Quốc H, sinh ngày 16/02/2014. Thời gian kể từ tháng 08/2021 đến khi các con chung tròn 18 tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Vũ Thị S và anh Lê Văn D không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị Vũ Thị S và anh Lê Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom đối với con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị S, anh D không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị S đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0004721 ngày 08/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Chị S đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã TK, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Hải